TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN B
THÀNH PHỐ C

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: **17** /2019/HNGĐ-ST
Ngày: 01.8.2019.
V/v Tranh chấp ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN B, THÀNH PHỐ C

Với thành phần xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Ánh.

Các hội thẩm nhân:

1. Ông Nguyễn Hoài Tâm;
2. Ông Phạm Ngọc Hà.

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng Châu – Thư ký Tòa án nhân dân quận B, thành phố C.

Ngày 01 tháng 8 năm 2019, tại Trụ sở Tòa án nhân dân quận B, thành phố C xét xử công khai vụ án hôn nhân và gia đình sơ thẩm thụ lý số 407/2017/TLST-HNGĐ ngày 11/12/2017 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 313/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 15 tháng 7 năm 2019 giữa các đương sự:

NGUYÊN ĐƠN: Bà Nguyễn Thị Kim L. (Có mặt)

Địa chỉ: khu vực B, phường L, quận B, thành phố C.

BỊ ĐƠN: Ông Nguyễn Văn R. (Vắng mặt)

Địa chỉ: đường T, phường C, quận N, thành phố C.

Địa chỉ liên hệ: khu vực B, phường L, quận B, thành phố C.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Kim L trình bày:

Bà và ông Nguyễn Văn R qua mai mối đã tự nguyện tiến tới hôn nhân có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường L, quận B vào năm tháng 4 năm 2017. Thời gian chung sống, vợ chồng thường nảy sinh xung đột, cự cãi do tính tình khác biệt, ông R thường có hành vi bạo lực gia đình, bà đã nhiều lần góp ý nhưng ông R vẫn không thay đổi. Nay, bà yêu cầu được ly hôn với ông R vì vợ chồng không còn tình cảm.

Về con chung: thời gian chung sống ông bà không có con chung. Về tài sản chung và nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn ông Nguyễn Văn R trình bày:

Ông thống nhất với phần trình bày của bà L về quá trình tiến đến hôn nhân, thời gian kết hôn là đúng. Ông cho rằng thời gian chung sống vợ chồng không có

tiếng nói chung do tính cách khác biệt, cả hai thường cự cãi khiến cho tình cảm rạn nứt không thể hàn gắn nên ông cũng đồng ý ly hôn với bà L.

Về con chung: không có. Về tài sản chung: vợ chồng có 01 xe mô tô SH mode do ông và bà L mua chung vào năm 2017 có giá trị là 60.000.000 đồng (sáu mươi triệu đồng) ông yêu cầu được chia đôi giá trị xe. Về nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Vụ án được hòa giải nhiều lần nhưng không thành, Tòa án triệu tập các đương sự ở những lần tiếp theo để giải quyết nhưng ông R vắng mặt không rõ lý do. Do đó, Tòa án tiến hành đưa ra xét xử vắng mặt bị đơn theo thủ tục chung.

Tại phiên tòa: nguyên đơn bà L vẫn giữ yêu cầu theo đơn khởi kiện xin ly hôn. Bị đơn ông R tiếp tục vắng mặt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Xét quan hệ pháp luật đây là vụ án tranh chấp ly hôn được pháp luật điều chỉnh nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

Bà L, ông R tự nguyện tiến tới hôn nhân và có đăng ký kết hôn nên là hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận. Thời gian chung sống vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, tình cảm rạn nứt không thể hàn gắn. Bà L có đơn khởi kiện yêu cầu được ly hôn, đồng thời ông R cũng đồng ý ly hôn vì đã hết tình cảm.

Tuy nhiên, tại phiên tòa không ghi nhận được ý kiến ông R do đương sự vắng mặt. Hội đồng xét xử nhận thấy giữa ông R và bà L cũng xác định vợ chồng không hợp nhau, mâu thuẫn không thể hàn gắn. Xét thấy mục đích hôn nhân các bên không đạt được nên việc chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà L đối với ông R là có cơ sở.

[2] Về con chung: không có.

[3] Về tài sản chung: ông R cho rằng vợ chồng có 01 xe mô tô SH mode do ông và bà L mua chung vào năm 2017 có giá trị là 60.000.000 đồng (sáu mươi triệu đồng) ông yêu cầu được chia đôi giá trị xe. Tuy nhiên đây chỉ là phần trình bày của ông R và ông không cung cấp được các tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho yêu cầu của mình đồng thời vào các lần hòa giải tại Tòa ông đều vắng mặt vì vậy Tòa án sẽ tách ra giải quyết thành một vụ án khác khi ông có đơn yêu cầu.

Về nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Bà L phải nộp án phí hôn nhân sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

Điều 28, 35, 147, 266, 267, 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Điều 51 Luật Hôn nhân và Gia đình.

Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015.

Nghị quyết số 326/2016 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Kim L được ly hôn với ông Nguyễn Văn R.

2/ Về con chung: Không có.

3/Về tài sản chung: tách ra giải quyết thành một vụ án dân sự khác khi đương sự có đơn yêu cầu.

4/Về nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

5/ Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị Kim L phải nộp 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng)*. Chuyển tiền đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu số 008797 ngày 07 tháng 12 năm 2017 của Chi cục Thi hành án dân sự quận B, thành phố C thành tiền án phí, đương sự đã nộp đủ tiền án phí.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án đối với nguyên đơn, kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết theo quy định đối với bị đơn được quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố C giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân quận B, thành phố C;
- Chi cục Thi hành án dân sự quận B, thành phố C;
- Ủy ban nhân dân phường L, quận B,TP C;
(Giấy CNKH số 43 ngày 19/4/2017)
- Tòa án nhân dân Thành phố C;
- Lưu (hs,Vp,Ltds).

Phạm Thị Ánh